



diān bǒ

颠簸

Verb · jolt; bump; thrash

Example Sentences

chē zǐ zài lù shàng diān bǒ

车子在路上颠簸。

The car is bumpy on the road.

shān lù diān bǒ kāi chē yào xiǎo xīn

山路颠簸，开车要小心。

The mountain road is bumpy, so drive carefully.

fēi jī yù dào qì liú diān bǒ dé hěn lì hài

飞机遇到气流，颠簸得很厉害。

The plane encountered turbulence and was very bumpy.

Trace each character, then write the word on your own.

颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠
颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠	颠			

簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸
簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸	簸